

Số: 1108/STC-ĐT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2020

**CÔNG KHAI VỀ QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB NIÊN ĐỘ 2018  
VÀ QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2019**

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai công khai số liệu quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách 2018 (đính kèm mẫu số 03/CKTC-ĐTXD) và số liệu quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2019 (đính kèm mẫu số 04/CKTC-ĐTXD).

Sở Tài chính công khai trên trang website của Sở Tài chính <http://stc.dongnai.gov.vn> và công khai niêm yết tại trụ sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đinh Việt Tiến**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH  
NĂM 2019**

(Kèm theo Văn bản số: 1258 /STC-ĐT ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số dự án quyết toán	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	4	5	6	7	8=(7-6)	9
<b>TỔNG CỘNG (A + B)</b>		<b>786</b>	<b>6.663.299</b>	<b>4.829.128</b>	<b>4.817.452</b>	<b>(11.676)</b>	
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách tỉnh (UBND tỉnh giao chỉ tiêu KH vốn)</b>	<b>42</b>	<b>3.991.719</b>	<b>2.430.787</b>	<b>2.424.503</b>	<b>(6.284)</b>	
<b>I</b>	<b>Nhóm A</b>	<b>01</b>	<b>2.076.627</b>	<b>1.047.494</b>	<b>1.047.724</b>	<b>230</b>	
1	Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai (đợt 2)		2.076.627	1.047.494	1.047.724	230	
<b>II</b>	<b>Nhóm B</b>	<b>08</b>	<b>1.355.661</b>	<b>1.018.738</b>	<b>1.013.077</b>	<b>(5.662)</b>	
2	Xây dựng Trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường tỉnh Đồng Nai (Dự án ngưng thực hiện)		91.614	1.256	1.188	(68)	
3	Nạo vét suối Sân Máu thành phố Biên Hòa (phần còn lại)		554.111	410.168	407.639	(2.529)	
4	Dự án Đầu tư trang Thiết bị ngành y tế		96.698	85.736	85.698	(38)	
5	Đầu tư cải tạo XD mới Trường THPT Long Thành		84.478	84.098	81.395	(2.702)	
6	Đầu tư trường PTTH thực hành sư phạm thuộc trường đại học Đồng Nai		67.531	55.321	55.291	(30)	
7	Quyết toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Hồ Cầu dầu		297.873	219.270	219.270	0	
8	Xây dựng đường Cua Heo - Bình Lộc, thị xã Long Khánh		162.568	162.000	161.807	(193)	
9	Đầu tư nước sạch học đường (dự án ngưng thực hiện)		787	890	787	(102)	
<b>III</b>	<b>Nhóm C</b>	<b>33</b>	<b>559.431</b>	<b>364.555</b>	<b>363.703</b>	<b>(852)</b>	
10	Trung tâm Giám định Y khoa Đồng Nai (DA ngưng thực hiện)		-	222	201	(21)	
11	Sửa chữa, cải tạo xây dựng nhà làm việc (thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở Tài nguyên và Môi trường)		2.611	2.306	2.305	(1)	
12	Sửa chữa Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Định Quán (Dự án ngưng thực hiện)		-	112	105	(7)	
13	Trung tâm y tế dự phòng thành phố Biên Hòa (dự án ngưng thực hiện)		38.594	712	622	(90)	

STT	Nội dung	Số dự án quyết toán	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	4	5	6	7	8=(7-6)	9
14	Trung tâm y tế dự phòng huyện Vĩnh Cửu (dự án ngưng thực hiện)		37.945	7.083	7.110	27	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích mộ Cụ Thạch Hàng Gòn		32.724	27.441	27.250	(192)	
16	Xây dựng Hồ bơi Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai		5.227	5.135	5.151	16	
17	Trạm y tế xã Phú Hòa, huyện Định Quán		8.404	6.365	6.372	7	
18	Bổ sung Thiết bị Đào tạo nguồn nhân lực ngành môi trường và xử lý nước thải Trường Cao Đẳng Nghề Công Nghệ Cao Đồng Nai		14.838	13.842	13.825	(17)	
19	Xây dựng nhà xe 02 bánh và kho văn thư lưu trữ và sửa chữa cải tạo 1 số hạng mục Trụ sở Sở Y tế Đồng Nai		4.895	4.218	4.239	21	
20	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC và GPMB thực hiện dự án Nút giao ngã tư Tân Phong, thành phố Biên Hòa		84.174	946	952	6	
21	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Chi cục chăn nuôi và Thú y tỉnh Đồng Nai		22.832	19.176	19.213	37	
22	Cầu Tập Đoàn 7 ấp Bình Minh, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc		4.785	2.780	2.780	0	
23	Xây dựng Trạm y tế xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc		8.678	6.432	6.446	14	
24	Xây dựng tuyến đường ĐT 761 đoạn giao giữa đường ĐT 761 với đường 322B đến hết phạm vi KDC ấp 2 xã Phú Lý		14.944	13.683	13.736	53	
25	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC và GPMB thực hiện dự án xây dựng Mố trụ cầu Thủ Biên tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu		6.566	6.572	6.608	36	
26	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC và GPMB thực hiện dự án xây dựng đường dẫn vào cầu Thủ Biên tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu		29.094	29.102	29.218	115	
27	Đường Ruộng tre - Thọ An, thị xã Long Khánh (nay là TP Long Khánh)		44.483	48.367	48.223	(144)	
28	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá sinh viên Trường Đại học Đồng Nai - Cơ sở 1		21.834	15.356	15.322	(34)	
29	Xây dựng dự án hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Cối xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh		10.568	9.066	9.044	(22)	
30	Xây dựng, cải tạo đoạn cống thoát nước từ phía Công ty Nông súc sản Đồng Nai băng qua đường Nguyễn Ái Quốc ra Suối Săn Máu		27.901	23.961	24.022	61	

STT	Nội dung	Số dự án quyết toán	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	4	5	6	7	8=(7-6)	9
31	Hệ thống công nghệ thông tin khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính mới Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất		15.857	14.384	14.379	(6)	
32	Xây dựng 8 phòng học trường THPT Nguyễn Trãi		6.063	4.982	4.962	(20)	
33	Sửa chữa cải tạo trường THPT Tân Phú huyện Tân Phú		6.082	3.846	3.821	(25)	
34	Trang thiết bị cho 04 phòng thu âm phát thanh		6.000	5.368	5.365	(3)	
35	Bồi thường, GPMB tiêu dự án: cơ sở giam giữ Công an huyện Vĩnh Cửu		1.685	1.685	1.697	11	
36	Bồi thường, GPMB tiêu dự án: cơ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa		1.840	1.840	1.853	12	
37	Trạm bơm Bến Thuyền, huyện Tân Phú		9.990	8.633	8.619	(14)	
38	Đường vào khu công nghiệp huyện Tân Phú		53.371	49.168	48.658	(510)	
39	Đường ven vùng bán ngập từ áp 1 đến áp 6 xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu - Giai đoạn chuẩn bị đầu tư		4.756	3.634	3.678	44	
40	Xây dựng Trạm y tế xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú		9.646	7.285	7.264	(21)	
41	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành y tế tỉnh Đồng Nai GD 2016-20108		23.042	20.225	20.061	(164)	
42	Nâng cấp, sửa chữa đập Long An, xã Long An, huyện Long Thành (dự án ngưng thực hiện)		-	627	603	(23)	
<b>B</b>	<b>Nguồn ngân sách thành phố, huyện</b>	<b>744</b>	<b>2.671.580</b>	<b>2.398.341</b>	<b>2.392.948</b>	<b>(5.392)</b>	
1	Thành phố Biên Hòa	16	444.811	359.946	360.044	98	
2	Thành phố Long Khánh	56	251.304	233.176	232.373	(803)	
3	Huyện Long Thành	146	268.982	400.234	400.207	(27)	
4	Huyện Nhơn Trạch	35	306.673	145.233	144.864	(369)	
5	Huyện Vĩnh Cửu	118	315.034	273.736	273.736	0	
6	Huyện Trảng Bom	51	276.474	253.413	252.601	(812)	
7	Huyện Thống Nhất	58	206.319	183.750	182.189	(1.561)	
8	Huyện Tân Phú	26	62.472	57.944	57.372	(572)	
9	Huyện Định Quán	104	295.006	263.559	262.973	(586)	
10	Huyện Cẩm Mỹ	66	136.012	125.602	125.135	(466)	
11	Huyện Xuân Lộc	68	108.494	101.747	101.453	(294)	

**CÔNG KHAI VỀ SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ THEO NIÊN ĐỘ NĂM 2018**  
**(Tổng hợp theo đơn vị và chi tiết dự án các dự án UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu)**  
*(Kèm theo văn bản số 268/STC-ĐT ngày 13/03/2020 của Sở Tài chính Đồng Nai)*

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.400.339</b>	<b>8.466.859</b>	<b>3.224.222.095.369</b>	<b>2.254.713.150.747</b>	<b>969.508.944.622</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>	<b>32.455.602</b>	<b>785.508</b>	<b>670.006.903.946</b>	<b>533.346.738.192</b>	<b>136.660.165.754</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2018</b>	<b>11.803.050</b>	<b>785.508</b>	<b>670.006.903.946</b>	<b>533.346.738.192</b>	<b>136.660.165.754</b>	
<b>A</b>	<b>Thực hiện dự án</b>	<b>6.705.943</b>	<b>711.658</b>	<b>605.908.231.184</b>	<b>469.578.454.430</b>	<b>136.329.776.754</b>	
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>	<b>2.853.267</b>	<b>226.174</b>	<b>202.049.507.783</b>	<b>138.321.720.346</b>	<b>63.727.787.437</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018</b>	<b>181.783</b>	<b>1.010</b>	<b>768.841.000</b>	<b>768.841.000</b>	<b>0</b>	
1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn song hành QL1A từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMĐT)	45.096	500	268.841.000	268.841.000	0	
2	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp)		10	0	0	0	
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chôn - Bàu Côi, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	136.687	500	500.000.000	500.000.000	0	
<b>b</b>	<b>Công trình chuyển tiếp qua 2018</b>	<b>2.339.943</b>	<b>160.214</b>	<b>144.669.914.183</b>	<b>91.681.154.746</b>	<b>52.988.759.437</b>	
1	Đường 25B	795.992	8.780	8.780.000.000	8.780.000.000	0	
2	Tiểu DA BT GPMB DA NC mở rộng đường 25B	64.512	250	35.653.183	35.653.183	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
3	Đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	147.424	6.195	6.172.653.000	6.127.963.000	44.690.000	
4	Dự án đường 30 tháng 4 nối dài (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa- chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bằng nguồn ngân sách huyện)	41.353	5.485	5.485.000.000	5.485.000.000	0	
5	Đường suối Rắc huyện Định Quán	43.453	3.500	18.843.000	18.843.000	0	
6	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại)	516.452	50.000	50.000.000.000	5.848.080.000	44.151.920.000	
7	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 21 huyện Long Thành (phương án đầu tư cải tạo theo tuyến đường hiện hữu), kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	55.590	23.673	17.212.247.000	16.643.282.000	568.965.000	
8	Xây dựng cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom (ngân sách tỉnh hỗ trợ phần cầu và phần đường dẫn vào cầu có giá trị 9 tỷ đồng)	20.447	4.500	4.500.000.000	4.500.000.000	0	
9	Đường Chu Văn An, Thống Nhất - Định Quán (đường liên huyện - giai đoạn 3; ngân sách huyện chi BTGPMB)	26.500	7.995	5.160.853.000	2.347.910.000	2.812.943.000	
10	Đường ĐT 761 đoạn từ giao giữa đường 761 đến đường 322B đến hết phạm vi khu dân cư ấp 2 xã Phú Lý, Vĩnh Cửu	14.945	4.223	4.223.000.000	4.223.000.000	0	
11	Đường song hành quốc lộ 1A đoạn tránh ngã tư Amata (Ngân sách thành phố thực hiện BTGPMB)	10.557	3.000	2.714.128.000	2.376.141.000	337.987.000	
12	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1 A (NSH thực hiện BTGPMB)	43.579	10.000	10.000.000.000	6.037.600.000	3.962.400.000	
13	Nâng cấp mở rộng đường vào núi Chứa Chan (NST hỗ trợ 50% TMĐT)	55.124	25.000	25.000.000.000	24.415.161.563	584.838.437	
14	Dự án đoạn 3 đường liên huyện Vĩnh Cửu Trảng Bom	122.854	1.829	1.828.793.000	1.673.607.000	155.186.000	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
15	GPMB Dự án đoạn 3 đường liên huyện Vĩnh Cửu Trảng Bom	17.861	184	171.000.000	0	171.000.000	
16	Cầu Đa-Hoai, huyện Tân Phú	5.910	2.300	203.394.000	4.564.000	198.830.000	
17	Dự án Đoạn từ km 11+656 đến km 13+569,7 thuộc dự án đường Hương lộ 10 đoạn 2	357.390	3.300	3.164.350.000	3.164.350.000	0	
<b>c</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>331.541</b>	<b>64.950</b>	<b>56.610.752.600</b>	<b>45.871.724.600</b>	<b>10.739.028.000</b>	
1	Cầu Đa Kai huyện Tân Phú	11.148	8.000	8.000.000.000	7.693.781.000	306.219.000	
2	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	80.664	450	450.000.000	450.000.000	0	
3	Dự án xây dựng 01 cầu trên đường vào Khu ủy Miền Đông huyện Vĩnh Cửu	4.221	2.000	2.000.000.000	1.499.300.000	500.700.000	
4	Dự án Xây dựng cầu Suối Nứa trên đường vào Trung ương cục miền Nam	5.600	3.500	3.499.958.600	3.499.958.600	0	
5	Dự án Xây dựng mới cầu Tà Lài, xã Tà Lài huyện Tân Phú	77.101	30.000	30.000.000.000	30.000.000.000	0	
6	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	85.183	11.000	11.000.000.000	1.067.891.000	9.932.109.000	
7	Đường nhựa từ ngã ba Bà Hào đi bia di tích Trung ương cục miền Nam huyện VC	53.973	5.000	862.544.000	862.544.000	0	
8	Dự án đường dân sinh và mương thoát lũ dọc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)	13.651	5.000	798.250.000	798.250.000	0	
<b>II</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>	<b>406.399</b>	<b>121.311</b>	<b>99.536.219.114</b>	<b>78.703.433.114</b>	<b>20.832.786.000</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp năm 2018</b>	<b>265.479</b>	<b>98.755</b>	<b>78.738.257.114</b>	<b>74.173.601.114</b>	<b>4.564.656.000</b>	
1	Dự án xây Kho lưu trữ chuyên dụng tinh (chưa bao gồm 30% vốn hỗ trợ ngân sách TW)	99.843	37.155	25.331.651.789	24.288.151.789	1.043.500.000	
2	Kho lưu trữ dữ liệu chuyên dùng huyện Nhơn Trạch	32.598	9.800	9.800.000.000	9.796.960.000	3.040.000	
3	Dự án công nghệ thông tin quản lý ngành y tế	23.042	12.000	11.622.731.000	11.622.731.000	0	
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn	23.997	15.300	13.845.639.000	13.845.639.000	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
5	Xây mới Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Đồng Nai	34.579	12.000	10.201.379.000	6.683.263.000	3.518.116.000	
6	Dự án an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện cho các cơ quan trực thuộc tỉnh	20.688	500	153.548.000	153.548.000	0	
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc hội nông dân tỉnh	30.732	12.000	7.783.308.325	7.783.308.325	0	
<b>b</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>140.920</b>	<b>22.556</b>	<b>20.797.962.000</b>	<b>4.529.832.000</b>	<b>16.268.130.000</b>	
1	Xây dựng Nhà làm việc các cơ quan khối Đảng Tỉnh Đồng Nai	52.233	10.000	10.000.000.000	2.213.041.000	7.786.959.000	
2	Trụ sở làm việc Ủy ban đoàn kết công giáo	13.736	5.000	4.974.006.000	524.006.000	4.450.000.000	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	54.846	3.000	1.269.218.000	693.772.000	575.446.000	
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Nhơn Trạch	19.515	4.000	4.000.000.000	544.275.000	3.455.725.000	
5	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội Luật gia tỉnh	590	556	554.738.000	554.738.000	0	
<b>III</b>	<b>Hạ tầng Công Cộng</b>	<b>823.382</b>	<b>104.700</b>	<b>97.887.752.880</b>	<b>80.270.014.000</b>	<b>17.617.738.880</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp 2018</b>	<b>721.993</b>	<b>79.108</b>	<b>72.395.752.880</b>	<b>61.158.051.000</b>	<b>11.237.701.880</b>	
1	Tuyên thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sinh	54.188	2.000	265.755.000	265.755.000	0	
2	Dự án tuyên thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB)	310.753	15.372	15.372.000.000	15.372.000.000	0	
3	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	157.341	428	0	0	0	
4	Tuyên thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	26.602	10.108	10.107.772.880	77.754.000	10.030.018.880	
5	Tuyên thoát nước từ khu phố 4 đến Suối Đá thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	43.659	2.500	2.500.000.000	2.030.686.000	469.314.000	
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	48.144	10.000	7.624.702.000	7.624.702.000	0	
7	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Mã Đà huyện Vĩnh Cửu	10.684	5.500	4.676.557.000	4.676.557.000	0	



STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
8	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu	10.818	6.500	6.500.000.000	6.259.631.000	240.369.000	
9	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Điền	55.100	24.500	23.266.423.000	22.768.423.000	498.000.000	
10	Hệ thống thoát nước chống ngập úng cục bộ cho khu vực xung quanh bệnh viện huyện Cẩm Mỹ	4.704	2.200	2.082.543.000	2.082.543.000	0	
<b>b</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>101.389</b>	<b>25.592</b>	<b>25.492.000.000</b>	<b>19.111.963.000</b>	<b>6.380.037.000</b>	
1	Bổ sung thiết bị đào tạo nguồn nhân lực ngành môi trường và xử lý nước thải	14.900	13.700	13.700.000.000	13.700.000.000	0	
2	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất	30.666	34	33.582.000	33.582.000	0	
3	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Côi, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh	10.567	5.000	5.000.000.000	3.804.846.000	1.195.154.000	
4	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ	25.350	5.958	5.948.751.000	763.868.000	5.184.883.000	
5	Dự án xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán	19.906	900	809.667.000	809.667.000	0	
<b>IV</b>	<b>Nông - Lâm - Thủy lợi</b>	<b>1.256.660</b>	<b>117.702</b>	<b>95.672.610.000</b>	<b>68.893.314.363</b>	<b>26.779.295.637</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình</b>	<b>29.189</b>	<b>500</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>0</b>	
1	Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng	29.189	500	500.000.000	500.000.000	0	
<b>b</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2018</b>	<b>1.060.630</b>	<b>82.202</b>	<b>76.450.667.000</b>	<b>64.528.795.363</b>	<b>11.921.871.637</b>	
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) ngân sách tỉnh 109,503 tỷ	235.459	7.515	7.515.000.000	7.410.000.000	105.000.000	
2	Trạm bơm Bền Thuyền, huyện Tân Phú	9.991	5.287	5.136.053.000	5.136.053.000	0	
3	Nạo vét suối Đa Tôn, huyện Tân Phú	28.642	5.400	5.331.322.000	5.283.101.988	48.220.012	
4	Xây dựng mới trạm bơm Giang Điền huyện Tân Phú	63.337	15.000	15.000.000.000	15.000.000.000	0	
5	Tiêu thoát nước cánh đồng Bàu Kiên xã Thanh Sơn huyện ĐQ	42.449	8.000	4.975.763.000	4.975.763.000	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
6	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	212.684	1.000	616.050.000	616.050.000	0	
7	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	131.018	10.000	10.000.000.000	9.700.000.000	300.000.000	
8	Xây dựng đường và cầu qua đập tràn hồ tuyến V, hồ Cầu Mới	39.177	10.000	7.876.479.000	7.786.346.000	90.133.000	
9	Hồ chứa nước Cầu Dầu, thị xã Long Khánh	297.873	20.000	20.000.000.000	8.621.481.375	11.378.518.625	
<b>c</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>166.841</b>	<b>35.000</b>	<b>18.721.943.000</b>	<b>3.864.519.000</b>	<b>14.857.424.000</b>	
1	Dự án Nạo vét và gia cố bờ suối Quán Thủ, huyện Long Thành (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	44.980	10.000	10.000.000.000	2.000.000.000	8.000.000.000	
2	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	35.714	8.000	351.132.000	214.656.000	136.476.000	
3	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	49.604	10.000	1.370.811.000	1.370.811.000	0	
4	Thoát nước lũ xã Xuân Lập	36.543	7.000	7.000.000.000	279.052.000	6.720.948.000	
<b>V</b>	<b>An ninh quốc phòng</b>	<b>1.026.248</b>	<b>113.090</b>	<b>98.215.937.175</b>	<b>94.296.882.775</b>	<b>3.919.054.400</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình</b>	<b>30.382</b>	<b>500</b>	<b>394.283.815</b>	<b>394.283.815</b>	<b>0</b>	
1	Dự án cải tạo và xây dựng Trụ sở Công an huyện Nhơn Trạch (tính 50%, Bộ CA 40%, huyện 10%)	30.382	500	394.283.815	394.283.815	0	
<b>b</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2018</b>	<b>341.866</b>	<b>99.000</b>	<b>94.035.678.360</b>	<b>92.760.770.960</b>	<b>1.274.907.400</b>	
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Tân Phú	71.356	32.000	27.274.609.000	26.878.881.000	395.728.000	
2	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	216.808	42.000	41.955.153.360	41.955.153.360	0	
3	Xây dựng nhà khách của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	26.130	18.000	17.805.916.000	17.805.916.000	0	
4	Dự án đầu tư trang thiết bị cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2016-2020 cho CS PCCC tỉnh	27.572	7.000	7.000.000.000	6.120.820.600	879.179.400	
<b>c</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>654.000</b>	<b>13.590</b>	<b>3.785.975.000</b>	<b>1.141.828.000</b>	<b>2.644.147.000</b>	
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	654.000	13.590	3.785.975.000	1.141.828.000	2.644.147.000	
<b>VI</b>	<b>Khoa học công nghệ</b>	<b>339.987</b>	<b>28.681</b>	<b>12.546.204.232</b>	<b>9.093.089.832</b>	<b>3.453.114.400</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2018</b>	<b>319.565</b>	<b>15.081</b>	<b>8.708.442.895</b>	<b>8.708.442.895</b>	<b>0</b>	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
1	Hạ tầng trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai, giai đoạn 1	271.941	14.660	8.287.847.895	8.287.847.895	0	
2	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	47.624	421	420.595.000	420.595.000	0	
<b>b</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>20.422</b>	<b>13.600</b>	<b>3.837.761.337</b>	<b>384.646.937</b>	<b>3.453.114.400</b>	
1	Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN	8.000	3.500	155.887.545	99.536.145	56.351.400	
2	Dự án bổ sung nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN	9.993	9.000	3.620.659.703	242.759.703	3.377.900.000	
3	Dự án xây dựng các hệ thống thông tin và phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai	2.429	1.100	61.214.089	42.351.089	18.863.000	
<b>B</b>	<b>Bố trí vốn thanh toán chi phí lập hồ sơ đối với các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư</b>	<b>760.124</b>	<b>8.926</b>	<b>5.200.156.279</b>	<b>4.869.767.279</b>	<b>330.389.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án được phê duyệt dự án đầu tư</b>	<b>760.124</b>	<b>8.926</b>	<b>5.200.156.279</b>	<b>4.869.767.279</b>	<b>330.389.000</b>	
1	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng		300	0	0	0	
2	Nạo vét Suối Sân Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	1.527	352	351.709.000	351.709.000	0	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Trạm Thú y Thống Nhất	2.979	200	0	0	0	
4	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu		50	0	0	0	
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An, huyện Tân Phú	13.842	200	120.093.000	120.093.000	0	
6	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	1.243	200	200.000.000	53.455.000	146.545.000	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
7	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	26.980	200	200.000.000	16.156.000	183.844.000	
8	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	45.815	300	177.870.000	177.870.000	0	
9	Dự án xây dựng nhà làm việc và kho lưu trữ của Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh		100	0	0	0	
10	Sửa chữa công trình Đập dâng Long An		100	100.000.000	100.000.000	0	
11	Dự án xây dựng mới Cầu Mít trên đường Hương lộ 12, huyện Nhơn Trạch (NSH thực hiện bồi thường)	14.800	200	200.000.000	200.000.000	0	
12	Dự án Trạm bơm áp 4 xã Tà Lài huyện Tân Phú	14.918	1.000	984.587.000	984.587.000	0	
13	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải (Ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ)	334.808	1.000	0	0	0	
14	Hồ Chứa nước Thoại Hương	12.210	1.000	0	0	0	
15	Dự án hồ chứa nước Gia Đức, huyện Thống Nhất	86.591	500	110.384.000	110.384.000	0	
16	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch	35.135	1.550	1.261.300.000	1.261.300.000	0	
17	Dự án Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2	35.934	300	219.772.329	219.772.329	0	
18	Trạm bơm Đắc Lua	131.023	500	455.011.950	455.011.950	0	
19	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Long Khánh (chi phí chuẩn bị đầu tư, theo Văn bản số 12852/UBND-ĐT ngày 29/12/2016)	2.319	874	819.429.000	819.429.000	0	
<b>C</b>	<b>Nguồn vốn dự phòng thanh toán dự án cầu Hóa An</b>	<b>1.174.593</b>	<b>34.198</b>	<b>34.197.819.985</b>	<b>34.197.819.985</b>	<b>0</b>	
<b>D</b>	<b>Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch</b>	<b>3.162.390</b>	<b>30.726</b>	<b>24.700.696.498</b>	<b>24.700.696.498</b>	<b>0</b>	
1	Trung tâm thông tin triển lãm và quảng trường xanh	615		138.292.000	138.292.000	0	
2	Đầu tư cải tạo và xây dựng trụ sở Công an huyện Nh	500		499.543.000	499.543.000	0	
3	Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ Long Thành	23.455		33.090.000	33.090.000	0	
4	Tái định cư ngư dân thị trấn Vĩnh An	8.030		59.754.000	59.754.000	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018			Ghi Chú	
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
5	Đường vào khu xử lý chất thải SH và CN xã Vĩnh Tân	23.759		820.042.000	820.042.000	0	
6	Trụ sở liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Đồng Nai	5.000		96.768.000	96.768.000	0	
7	Trụ sở BQL các KCN Đồng Nai	9.770		144.984.000	144.984.000	0	
8	Trụ sở làm việc Sở ngoại vụ	1.232		7.025.000	7.025.000	0	
9	CT, NC TTGD LĐXH tỉnh (khu A và B)	38.846		552.934.000	552.934.000	0	
10	XD và phát triển rừng phòng hộ TT Lâm nghiệp Biên Hòa	22.287		137.486.000	137.486.000	0	
11	SC, CT Trụ sở làm việc HDND - UBND H Cam My	4.773		4.122.000	4.122.000	0	
12	Duong Lien huyen tu xã Xuan dinh di xa Lam san	101.339		450.499.000	450.499.000	0	
13	Đầu tư nâng cấp cơ sở 3 của Trường Đại học Đồng Nai	92.359		180.100.000	180.100.000	0	
14	Đường vào KCN ông kèo, huyện Nhơn Trạch	1.973		579.103.000	579.103.000	0	
15	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đồng nai	15.925		87.744.000	87.744.000	0	
16	Nhà công vụ Khu bảo tồn thiên nhiên văn hoá Đồng Nai	3.585		77.328.200	77.328.200	0	
17	Đường Ng Văn Bé đến xuân định	93.295		6.469.893.000	6.469.893.000	0	
18	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	1.904.300		1.166.636.000	1.166.636.000	0	
19	Đường song hành phía đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất	75.550		114.564.000	114.564.000	0	
20	Cầu Đồng Hiệp- Tân Phú	9.231		160.617.000	160.617.000	0	
21	Trụ sở làm việc Đài truyền thanh Xuân Lộc	13.204		409.842.000	409.842.000	0	
22	Đường vành đai F309 ( từ công chính .....)	6.698		465.060.000	465.060.000	0	
23	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tà lài	4.911		40.463.000	40.463.000	0	
24	Cầu treo bắc qua sông Đồng Nai	11.487		1.636.258.000	1.636.258.000	0	
25	Đền thờ liệt sĩ Long Khánh	64.702		940.109.000	940.109.000	0	
26	Đường Ruộng tre - Xuân Bắc	38.518		253.644.000	253.644.000	0	
27	Trang thiết bị y tế bệnh viện nhi đồng đồng nai gđ 2015	284		283.117.000	283.117.000	0	
28	Đường hùng vương nối dài ( đường 4b nối dài)	22.256		429.115.000	429.115.000	0	
29	Đầu tư trồng và khôi phục rừng cây gỗ lớn bản địa vùng chiến khu d tỉnh đồng nai gđ 2009-2015	133.817		71.211.732	71.211.732	0	
30	XD trạm đăng kiểm bù đăng và ct đường vào trạm thuộc khu bttvnh đồng nai	19.947		165.965.000	165.965.000	0	
31	XD tuyến mương bê tông bên trái xa lộ hà nội	27.797		1.850.950.000	1.850.950.000	0	
32	Hồ chứa nước lũ Lộc An	179.791		1.275.161.000	1.275.161.000	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
33	Hệ thống cấp nước tập trung xã lộ 25	23.118		144.278.000	144.278.000	0	
34	XD CSDL Sở Công Thương	2.458		181.538.500	181.538.500	0	
35	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước xã Phú Lộc	21.276		140.394.000	140.394.000	0	
36	Nhà văn hoá Chợ Ro huyện Định Quán	9.222		375.637.000	375.637.000	0	
37	Đường Xuân Đông( Cẩm Mỹ) đi Xuân Tâm( Xuân L	62.868		1.895.164.000	1.895.164.000	0	
38	Đầu tư 15 xe chữa cháy-CSPCCC	26.313		106.573.066	106.573.066	0	
39	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất			12.036.000	12.036.000	0	
40	Đường Huỳnh Văn Lũy	57.899		2.243.656.000	2.243.656.000	0	
<b>II</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHÔNG GHI KẾ HOẠCH NĂM 2018 CÒN DƯ VỐN TẠM ỨNG CHƯA THU HỒI TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM 2018</b>	<b>20.652.552</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đường vào khu công nghiệp huyện Tân Phú	53.389					
2	Đường CMT8 - BH	42.130					
3	Điểm đăng ký kiểm dịch Trạm thú y huyện Cẩm Mỹ	394					
4	Đoạn tránh quốc lộ 1A TP. Biên Hòa	391.375					
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn xã Thanh Sơn ngã 3 cây sao						
6	QH hệ thống thoát nước và XLNT TT Cẩm Mỹ						
7	Tiểu dự án BTGPMB dự án đường ĐT 768 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (ngân sách tỉnh cấp chi phí thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng)						
8	Tiểu dự án BTGPMB dự án Cầu Hoá An (ngân sách tỉnh cấp chi phí thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng)	111.326					
9	Tiểu dự án BTGPMB dự án đường ĐT 768 trên địa bàn thành phố Biên Hoà (ngân sách tỉnh cấp chi phí thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng đã tạm ứng trong năm 2014)	190.177					

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018			Ghi Chú		
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán				
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7		
10	BTGPMB Đường bên cạnh bệnh viện Đồng Nai tại P. Tam Hòa	6.440						
11	Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 25A (ĐT769, đoạn từ Bến phà Cát Lái đến ngã 3 Quốc lộ 51)	707.103						
12	Nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 2, huyện Nhơn Trạch (trong đó tạm ứng BTGMB năm 2014 là 4,227 tỷ đồng, năm 2015 hoàn chỉnh hồ sơ dự án)							
13	Dự án thoát nước là xử lý nước thải TPBH giai đoạn 1 (tạm ứng BTGPMB năm 2014 là 13,602 tỷ)							
14	Tiểu dự án HT thoát nước và XLNT TP Biên hòa 52.000m3/ngày	17.882.878						
15	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc (đã thực hiện chi trả bồi thường trong các năm qua; năm 2015 thực hiện phân xây lấp)							
16	BTGPMB dự án Nâng cấp mở rộng Đường Hồ Nai 4-Trị An (ĐT 767)	265.687						
17	Tiểu dự án BTGPMB Tuyến đường Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường ĐT 769 (đoạn qua huyện Long Thành)							
18	Cầu Long Tân	48.839						
19	Tuyến Đường chống ùn tắc giao thông trên Quốc lộ I, khu vực phường Tân Hòa							
20	Dự án Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe loại I (tại huyện Trảng Bom)							
21	Đầu tư mở rộng trường cao đẳng y tế (khối thư viện kết hợp phòng học thực hành-cơ bản- kỹ thuật cao, giảng Đường)	126.336						
22	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ							

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú	
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán				
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5=6+7	6	7		
23	BCKTKT tu bổ nâng cấp nghĩa trang cán bộ và người có công tỉnh tại phường Tân Biên TP.Biên Hòa	2.424						
24	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà làm việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông Sở Tài nguyên và Môi trường	2.451						
25	Nạo vét Suối Sâu huyện Vĩnh Cửu	58.848						
26	Mở rộng đoạn cống thoát nước từ phía công ty Nông sản băng qua Đường Nguyễn Ái Quốc ra suối Săn Máu	27.901						
27	Dự án Nạo vét suối Săn Máu	554.111						
28	Trạm xử lý nước thải 2000 m <sup>3</sup> / ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai							
29	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)							
30	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn							
31	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình							
32	BTGPMB Trung tâm đo kiểm Nhơn Trạch	194						
33	Nâng cấp mở rộng ĐT 765 đoạn km 1+526 đến km 5+500 huyện Xuân Lộc	108.066						
34	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An, huyện Tân Phú, (NST hỗ trợ xây lắp)							
35	Nút giao thông Tân Phong							
36	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (chưa bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng)							
37	Đường ĐT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000							
38	Xây dựng mới cầu Suối Cạn trên tuyến đường Xuân Bắc - Thanh Sơn, huyện Định Quán	4.931						
39	Đường Long Giao - Bảo Bình, H.Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)							



STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018			Ghi Chú		
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán				
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7		
40	Đường và hệ thống thoát nước trong khu dân cư thị trấn Định Quán							
41	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (đầu tư 5 tuyến đã thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng, ngân sách tỉnh thanh toán chi phí xây lắp)							
42	Dự án xây dựng đường Nguyễn Thị Định (đường số 3 cũ) kết hợp hệ thống thoát nước khu công nghiệp Tân Phú							
43	Dự án nâng cấp sửa chữa, cải tạo Trụ sở Khối Đảng, khối vận huyện Định Quán	11.105						
44	Xây dựng mới trụ sở làm việc Chi cục Chăn nuôi và Thú y							
45	Đầu tư thiết bị mầm non tối thiểu cho các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai							
46	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm							
47	Xây dựng tuyến thoát nước cho khu vực ngã 5 Biên Hùng, thành phố Biên Hòa							
48	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Nhơn Trạch (thực hiện giải phóng mặt bằng và thi công đoạn cuối tuyến)							
49	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa- dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa giai đoạn 1 từ vốn ODA							
50	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu đồng bào dân tộc xã Thanh Sơn (hạng mục xây mới nhà ở gồm 21 nhà đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa)	8.955						
51	Kiên cố hoá Kênh mương đập Cù Nhí	47.492						
52	Sửa chữa cải tạo đập, nạo vét hồ sen và hồ bà Hào							

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú	
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán				
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5=6+7	6	7		
53	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh							
54	Trường phổ thông sư phạm thực hành thuộc trường Đại học Đồng Nai, hạng mục khối thực hành mầm non và tiểu học							
55	Xây dựng nhà ở cho vận động viên và Cải tạo, nâng cấp cảnh quan toàn khu Trung tâm Thể dục Thể thao tỉnh Đồng Nai							
56	Làng Văn hoá Đồng bào Chơro xã Bảo Vinh							
57	Hệ thống thông tin quản lý trường đại học đồng nai							
58	Mở rộng, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh							
59	Tiểu dự án nhà máy xử lý nước thải số 1 giai đoạn 1A, thành phố Biên Hòa công suất 9500m3/ngày							
60	Xây dựng Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai							
61	XD mới tuyến đường Hương lộ 10 Đoạn trên địa bàn H.Cẩm Mỹ							
62	Đầu tư đường Sông Nhạn – Dầu Giây đoạn trên địa bàn H.Cẩm Mỹ							
63	Đầu tư đường Sông Nhạn – Dầu Giây đoạn địa bàn H.Long Thành							
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>6.577.976</b>	<b>1.000.000</b>	<b>942.524.687.253</b>	<b>603.165.795.863</b>	<b>339.358.891.390</b>		
<b>A</b>	<b>Thực hiện dự án</b>	<b>6.577.976</b>	<b>1.000.000</b>	<b>942.524.687.253</b>	<b>603.165.795.863</b>	<b>339.358.891.390</b>		
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>	<b>1.618.751</b>	<b>492.529</b>	<b>471.207.720.614</b>	<b>333.978.920.692</b>	<b>137.228.799.922</b>		
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp qua 2018</b>	<b>1.218.271</b>	<b>393.221</b>	<b>371.899.720.614</b>	<b>331.968.860.692</b>	<b>39.930.859.922</b>		
1	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An, huyện Tân Phú, (NST hỗ trợ xây lắp)	159.000	44.000	44.000.000.000	43.157.549.000	842.451.000		
2	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong	259.048	104.533	104.439.020.000	102.649.249.000	1.789.771.000		
3	Dự án xây dựng đường Nguyễn Thị Định (đường số 3 cũ) kết hợp hệ thống thoát nước khu công nghiệp Tân Phú	55.832	35.800	25.068.710.692	22.572.343.692	2.496.367.000		

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769)	160.153	73.585	73.585.000.000	72.513.242.000	1.071.758.000	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000, huyện Xuân Lộc	95.298	53.943	53.942.999.922	28.168.721.000	25.774.278.922	
6	Đường Long Giao - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)	131.952	40.000	39.964.284.000	32.504.050.000	7.460.234.000	
7	Đường và hệ thống thoát nước trong khu dân cư thị trấn Định Quán	42.256	21.000	10.702.824.000	10.206.824.000	496.000.000	
8	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	314.732	20.360	20.196.882.000	20.196.882.000	0	
<b>b</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>400.480</b>	<b>99.308</b>	<b>99.308.000.000</b>	<b>2.010.060.000</b>	<b>97.297.940.000</b>	
1	Dự án Đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức – Long Thành), huyện Nhơn Trạch	341.232	78.457	78.457.000.000	0	78.457.000.000	
2	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	59.248	20.851	20.851.000.000	2.010.060.000	18.840.940.000	
<b>II</b>	<b>Quản lí nhà nước</b>	<b>87.807</b>	<b>22.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>15.552.315.000</b>	<b>6.447.685.000</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp năm 2018</b>	<b>87.807</b>	<b>22.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>15.552.315.000</b>	<b>6.447.685.000</b>	
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	87.807	22.000	22.000.000.000	15.552.315.000	6.447.685.000	
<b>III</b>	<b>Hạ tầng Công Cộng</b>	<b>3.744.592</b>	<b>255.728</b>	<b>228.127.661.731</b>	<b>132.085.109.319</b>	<b>96.042.552.412</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp 2018</b>	<b>3.744.592</b>	<b>255.728</b>	<b>228.127.661.731</b>	<b>132.085.109.319</b>	<b>96.042.552.412</b>	
1	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB)	310.753	57.628	41.462.257.000	13.436.039.000	28.026.218.000	
2	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	181.919	27.133	24.438.475.000	18.539.353.000	5.899.122.000	
3	Xây dựng tuyến thoát nước cho khu vực ngã 5 Biên Hùng, thành phố Biên Hòa	111.529	72.800	71.736.156.000	70.731.780.000	1.004.376.000	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
4	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Nhơn Trạch	584.830	68.167	68.166.998.731	28.228.954.319	39.938.044.412	
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	2.555.561	30.000	22.323.775.000	1.148.983.000	21.174.792.000	
<b>IV</b>	<b>Nông - Lâm - Thủy lợi</b>	<b>697.376</b>	<b>132.400</b>	<b>132.399.999.909</b>	<b>72.271.692.453</b>	<b>60.128.307.456</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2018</b>	<b>697.376</b>	<b>132.400</b>	<b>132.399.999.909</b>	<b>72.271.692.453</b>	<b>60.128.307.456</b>	
1	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc	324.205	43.000	42.999.999.909	39.883.023.453	3.116.976.456	
2	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	373.171	89.400	89.400.000.000	32.388.669.000	57.011.331.000	
<b>V</b>	<b>An ninh quốc phòng</b>	<b>239.565</b>	<b>82.000</b>	<b>81.397.725.000</b>	<b>42.103.820.000</b>	<b>39.293.905.000</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2018</b>	<b>239.565</b>	<b>82.000</b>	<b>81.397.725.000</b>	<b>42.103.820.000</b>	<b>39.293.905.000</b>	
1	Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho cảnh sát PCCC tỉnh từ năm 2015-2018 (tên cũ KH 17 là Tiểu dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho CS PCCC)	39.601	22.000	21.397.725.000	21.397.725.000	0	
2	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	199.964	60.000	60.000.000.000	20.706.095.000	39.293.905.000	
<b>VI</b>	<b>Khoa học công nghệ</b>	<b>189.885</b>	<b>15.343</b>	<b>7.391.579.999</b>	<b>7.173.938.399</b>	<b>217.641.600</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2018</b>	<b>189.885</b>	<b>15.343</b>	<b>7.391.579.999</b>	<b>7.173.938.399</b>	<b>217.641.600</b>	
1	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)	189.885	15.343	7.391.579.999	7.173.938.399	217.641.600	
<b>C</b>	<b>NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT</b>	<b>7.003.255</b>	<b>1.002.226</b>	<b>936.840.076.054</b>	<b>695.520.788.554</b>	<b>241.319.287.500</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2018</b>	<b>6.169.063</b>	<b>1.002.226</b>	<b>936.840.076.054</b>	<b>695.520.788.554</b>	<b>241.319.287.500</b>	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
<b>A</b>	<b>Thực hiện dự án</b>	<b>3.676.909</b>	<b>981.364</b>	<b>918.973.676.054</b>	<b>677.654.388.554</b>	<b>241.319.287.500</b>	
<b>I</b>	<b>Y tế</b>	<b>1.311.699</b>	<b>280.667</b>	<b>267.114.531.676</b>	<b>149.397.798.176</b>	<b>117.716.733.500</b>	
<b>a</b>	<b>Công trình chuyển tiếp sang năm 2018</b>	<b>1.169.599</b>	<b>226.920</b>	<b>215.624.097.676</b>	<b>108.008.329.176</b>	<b>107.615.768.500</b>	
1	Dự án xây dựng khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính bệnh viện đa khoa Thống Nhất	136.738	14.000	14.000.000.000	14.000.000.000	0	
2	Trụ sở làm việc Ban bảo vệ sức khỏe	109.534	30.000	29.999.999.500	29.725.003.000	274.996.500	
3	Xây dựng khoa sơ sinh bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	171.168	43.000	32.925.119.000	30.612.844.000	2.312.275.000	
4	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	109.999	36.677	36.677.000.000	23.216.023.000	13.460.977.000	
5	Khôi điều trị bệnh viện Thống Nhất	599.990	93.300	92.301.470.177	954.459.177	91.347.011.000	
6	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện 7B	26.313	443	220.509.000	0	220.509.000	
7	HT CNTT khoa khám bệnh - cấp cứu và khu HC mới BVĐK Thống Nhất (nguồn quỹ PTHĐSN của BV là 5 tỷ +NS tỉnh)	15.857	9.500	9.499.999.999	9.499.999.999	0	
<b>b</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>142.100</b>	<b>53.747</b>	<b>51.490.434.000</b>	<b>41.389.469.000</b>	<b>10.100.965.000</b>	
1	Trạm Y tế xã Nhân Nghĩa - huyện Cẩm Mỹ	9.681	3.400	3.400.000.000	1.302.672.000	2.097.328.000	
2	Trạm Y tế xã Phú Bình - huyện Tân Phú	8.521	3.450	3.450.000.000	2.826.475.000	623.525.000	
3	Trạm Y tế xã Lang Minh - huyện Xuân Lộc	9.014	1.000	916.725.000	4.325.000	912.400.000	
4	Trạm Y tế xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch	9.257	3.900	3.716.664.000	1.748.618.000	1.968.046.000	
5	Trạm Y tế xã Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu	8.504	1.276	1.275.486.000	339.401.000	936.085.000	
6	Trạm Y tế xã Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu	8.504	2.400	1.323.264.000	358.264.000	965.000.000	
7	Trạm Y tế xã Phú Tân - huyện Định Quán	8.891	1.922	1.922.000.000	1.338.155.000	583.845.000	
8	Trạm Y tế xã Trung Hòa - huyện Trảng Bom	9.957	1.499	1.499.000.000	1.450.160.000	48.840.000	
9	Trạm Y tế xã Bàu Sen - thị xã Long Khánh	7.753	1.900	1.898.641.000	316.641.000	1.582.000.000	
10	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế bổ sung cho Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai phục vụ đề án bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Nhi đồng 2 thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Đồng Nai (Ngân sách TW 15 tỷ + NST)	45.000	25.000	24.088.654.000	24.088.654.000	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
11	Dự án sửa chữa nâng cấp hệ thống điện, trạm biến áp và hệ thống chiếu sáng của Bệnh viện quân y 7B	17.018	8.000	8.000.000.000	7.616.104.000	383.896.000	
<b>II</b>	<b>Giáo dục - đào tạo</b>	<b>1.656.962</b>	<b>545.333</b>	<b>497.602.024.378</b>	<b>450.343.897.378</b>	<b>47.258.127.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình năm 2018</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Sửa chữa một số hạng mục trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh thành phố Biên Hòa		100	0	0	0	
<b>b</b>	<b>Công trình chuyển tiếp năm 2018</b>	<b>1.539.729</b>	<b>507.543</b>	<b>459.931.663.000</b>	<b>426.692.380.000</b>	<b>33.239.283.000</b>	
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	136.259	62.500	62.479.103.000	61.840.206.000	638.897.000	
2	Xây dựng Trường THPT Lê Hồng Phong	79.068	20.000	19.673.112.000	19.173.439.000	499.673.000	
3	Dự án Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe loại I (tại huyện Trảng Bom)	182.129	47.116	42.415.139.000	42.415.139.000	0	
4	Dự án đầu tư thí điểm trường học tiên tiến hiện đại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020	499.287	140.000	107.272.181.000	86.912.705.000	20.359.476.000	
5	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	52.093	6.284	6.193.584.000	6.193.584.000	0	
6	Xây dựng trường thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	67.531	16.440	16.234.466.000	16.234.466.000	0	
7	Trường THPT Kiệt Tân	45.013	16.469	14.938.596.000	14.938.596.000	0	
8	Cải tạo sửa chữa trường Đoàn kết	47.412	24.500	23.737.671.000	23.737.671.000	0	
9	Đầu tư Trang thiết bị tối thiểu cho các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017-2020	196.138	76.000	70.614.256.000	70.614.256.000	0	
10	Khối tiểu học và mầm non của trường Phổ thông thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	66.401	27.000	26.704.533.000	20.177.195.000	6.527.338.000	
11	Khối lớp học 12 phòng và 3 phòng học chức năng, sửa chữa trường THPT Trị An	29.714	10.234	8.919.159.000	8.645.161.000	273.998.000	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
12	Nâng cao chất lượng dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (trong đó có vốn của 02 trường là 1,2 tỷ đồng).	138.684	61.000	60.749.863.000	55.809.962.000	4.939.901.000	
<b>c</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>117.233</b>	<b>37.690</b>	<b>37.670.361.378</b>	<b>23.651.517.378</b>	<b>14.018.844.000</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá sinh viên trường Đại học Đồng Nai cơ sở 1	21.834	14.720	14.716.818.000	14.716.818.000	0	
2	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Phú Ngọc	37.991	8.500	8.500.000.000	686.336.000	7.813.664.000	
3	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học Trường chính trị tỉnh Đồng Nai	4.621	3.000	3.000.000.000	2.456.375.000	543.625.000	
4	Dự án xây dựng mới 12 phòng học Trường trung học phổ thông Long Phước, huyện Long Thành	13.108	5.400	5.400.000.000	4.951.274.000	448.726.000	
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Long Khánh thành Trường THPT chuyên Long Khánh	34.776	6.000	6.000.000.000	787.171.000	5.212.829.000	
6	Hệ thống thông tin quản lý trường đại học Đồng Nai	4.903	70	53.543.378	53.543.378	0	
<b>III</b>	<b>Văn hóa xã hội</b>	<b>708.248</b>	<b>155.364</b>	<b>154.257.120.000</b>	<b>77.912.693.000</b>	<b>76.344.427.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018</b>	<b>170.462</b>	<b>1.050</b>	<b>1.049.960.000</b>	<b>770.000.000</b>	<b>279.960.000</b>	
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	103.383	100	99.960.000	0	99.960.000	
2	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	67.079	950	950.000.000	770.000.000	180.000.000	
<b>b</b>	<b>Công trình chuyển tiếp năm 2018</b>	<b>201.084</b>	<b>50.514</b>	<b>50.438.247.000</b>	<b>50.014.513.000</b>	<b>423.734.000</b>	
1	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	62.976	4.169	4.168.527.000	3.744.793.000	423.734.000	
2	Trang thiết bị cho hệ thống trung tâm lưu trữ, kiểm duyệt dữ liệu truyền hình	17.259	6.553	6.527.830.000	6.527.830.000	0	
3	Trang thiết bị số hóa cho phòng không chế các kênh truyền hình	17.107	8.630	8.604.755.000	8.604.755.000	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
4	Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho 01 Studio truyền hình	17.276	8.662	8.637.135.000	8.637.135.000	0	
5	Nhà thi đấu đa năng huyện Định Quán (NST hỗ trợ 100% xây lắp)	86.466	22.500	22.500.000.000	22.500.000.000	0	
<b>c</b>	<b>Công trình khởi công mới năm 2018</b>	<b>336.702</b>	<b>103.800</b>	<b>102.768.913.000</b>	<b>27.128.180.000</b>	<b>75.640.733.000</b>	
1	Xây dựng Nhà ở vận động viên và cải tạo, nâng cấp cảnh quan toàn khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh	19.963	10.000	9.244.413.000	7.825.120.000	1.419.293.000	
2	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	300.000	80.000	80.000.000.000	5.778.560.000	74.221.440.000	
3	Dự án Tuyến đường vào cơ sở tiếp nhận, quản lý, cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (cơ sở mới) (NST phần XL 8,3 tỷ, còn lại NSH)	10.739	8.200	8.200.000.000	8.200.000.000	0	
4	Trang thiết bị cho 04 phòng thu âm phát thanh - Đài truyền hình	6.000	5.600	5.324.500.000	5.324.500.000	0	
<b>B</b>	<b>Bố trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội</b>	<b>2.318.616</b>	<b>16.867</b>	<b>15.738.416.000</b>	<b>15.738.416.000</b>	<b>0</b>	
1	Mua sắm TTB y tế bổ sung cho BV Đa khoa Đồng Nai	4.210		214.153.000	214.153.000	0	
2	Trạm y tế P Long Bình Tân	3.647		24.033.000	24.033.000	0	
3	Trạm y tế xã Hóa An	3.750		30.579.000	30.579.000	0	
4	Trường THPT Nhơn Trạch	62.077		1.322.613.000	1.322.613.000	0	
5	Trường THPT Xuân Thanh	95.123		4.225.679.000	4.225.679.000	0	
6	Trang thiết bị cho HT TTLT, kiểm duyệt dữ liệu TH	17.259		87.489.000	87.489.000	0	
7	Trang thiết bị số hóa cho phòng không chế các kênh truyền hình	17.107		121.938.000	121.938.000	0	
8	Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho 01 Studio truyền hình	17.276		121.971.000	121.971.000	0	



STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
	Đầu tư trang thiết bị thực tập, thực hành trường TCK	21.540		122.785.000	122.785.000	0	
9	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	2.076.627		9.467.176.000	9.467.176.000	0	
<b>C</b>	<b>Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư</b>	<b>173.538</b>	<b>3.995</b>	<b>2.127.984.000</b>	<b>2.127.984.000</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án phê duyệt dự án đầu tư</b>	<b>173.538</b>	<b>3.995</b>	<b>2.127.984.000</b>	<b>2.127.984.000</b>	<b>0</b>	
1	Xây dựng Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa tỉnh		600	0	0	0	
2	Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú (đã đầu tư 1 số hạng mục Nhà thi đấu, sân nền, cổng tường rào), NST đầu tư xây lắp + thiết bị khoảng 40 tỷ, phần còn lại kêu gọi XHH (hồ bơi, sân bóng đá, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...)	49.859	1.050	1.050.000.000	1.050.000.000	0	
3	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa		100	23.473.000	23.473.000	0	
4	Trạm Y tế xã Tân Hạnh - Tp. Biên Hòa	6.289	100	48.921.000	48.921.000	0	
5	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa		40	33.224.000	33.224.000	0	
6	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,		40	30.877.000	30.877.000	0	
7	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa		30	25.328.000	25.328.000	0	
8	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa		50	47.691.000	47.691.000	0	
9	Trạm Y tế xã Suối Cao - huyện Xuân Lộc	7.832	100	36.757.000	36.757.000	0	
10	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh		100	0	0	0	
11	Trạm Y tế xã Bảo Vinh - thị xã Long Khánh	8.737	100	100.000.000	100.000.000	0	
12	Trạm Y tế xã Thanh Bình - huyện Trảng Bom	8.889	100	100.000.000	100.000.000	0	
13	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	11.668	30	29.519.000	29.519.000	0	
14	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú		150	0	0	0	
15	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên - huyện Tân Phú	9.067	100	100.000.000	100.000.000	0	
16	Trạm Y tế xã Phú Lập - huyện Tân Phú		10	0	0	0	
17	Trạm Y tế xã Tà Lài - huyện Tân Phú	10.824	100	100.000.000	100.000.000	0	
18	Trạm Y tế xã La Ngà - huyện Định Quán	9.793	100	100.000.000	100.000.000	0	
19	Trạm Y tế xã Long Thọ - Nhơn Trạch		100	0	0	0	
20	Trạm y tế xã Thanh Sơn huyện Định Quán		100	0	0	0	
21	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch		100	0	0	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
22	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu		10	0	0	0	
23	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	8.919	100	30.125.000	30.125.000	0	
24	Trạm Y tế xã Xuân Hưng - huyện Xuân Lộc		10	0	0	0	
25	Dự án Trang thiết bị phục hồi chức năng vật lý trị liệu của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh		100	0	0	0	
26	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	15.000	150	0	0	0	
27	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	3.000	75	0	0	0	
28	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	23.661	350	272.069.000	272.069.000	0	
<b>II</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHÔNG GHI KẾ HOẠCH NĂM 2018 CÒN DƯ VỐN TẠM ỨNG CHƯA THU HỒI TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM 2018</b>	<b>834.192</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng Tháp biểu trưng Trái dầu 3 cánh Trung tâm Sinh thái văn hóa Lịch sử chiến khu Đ	293.572					
2	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Phú	259.098					
3	Dự án cấp nước sạch học đường (phần ngân sách tỉnh đầu tư là 24,5 tỷ đồng)	60.996					
4	Nhà tang lễ thành phố Biên Hòa	95.231					
5	Trang thiết bị ngành y tế	96.698					
6	Trạm y tế xã Giang Điền, huyện Trảng Bom	8.829					
7	Trạm y tế xã Phú Lộc huyện Tân Phú	10.122					
8	Trạm y tế xã Trà Cổ huyện Trảng Bom	9.646					
9	Di tích U1, huyện Trảng Bom						
10	Nhà văn hóa chợ ro huyện Định Quán						
<b>D</b>	<b>NGUỒN HOÀN TRẢ CÁC KHOẢN VỐN ĐÃ VAY, TẠM ỨNG TRONG CÁC NĂM TRƯỚC</b>	<b>4.636.141</b>	<b>317.983</b>	<b>235.080.598.346</b>	<b>169.054.600.001</b>	<b>66.025.998.345</b>	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2018</b>	<b>4.622.954</b>	<b>317.983</b>	<b>235.080.598.346</b>	<b>169.054.600.001</b>	<b>66.025.998.345</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản tạm ứng ngân sách</b>	<b>4.622.954</b>	<b>317.983</b>	<b>235.080.598.346</b>	<b>169.054.600.001</b>	<b>66.025.998.345</b>	
1	Đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh Cửu	147.424	15.000	3.029.096.000	2.731.596.000	297.500.000	
2	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại, chưa bao gồm chi phí BTGPMB)	516.452	70.000	70.000.000.000	10.511.415.200	59.488.584.800	
3	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong (có hoàn tạm ứng của Trung tâm phát triển quỹ đất năm 2017 để Bồi thường là 8,418 tỷ đồng)	8.417	946	945.630.701	945.630.701	0	
4	Dự án Nâng cấp đường số 2 đoạn 2 (đoạn nối dài đến đường 769 – xã Long Tân) và đoạn 3 (đoạn nối dài đến Hương lộ 19 xã Vĩnh Thanh), huyện Nhơn Trạch		24.121	0	0	0	
5	Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 2 huyện Nhơn Trạch	11.677	793	792.758.000	66.581.000	726.177.000	
6	Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước trong huyện Long Thành		587	587.189.327	0	587.189.327	
7	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh, huyện Nhơn Trạch (Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 10/7/2017)	310.753	62.926	62.925.954.840	62.925.954.840	0	
8	Dự án kè gia cố bờ sông Đông Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	373.171	44.880	0	0	0	

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 2018				Ghi Chú
			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (triệu đồng)	Thanh toán			
				Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	
9	Dự án cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu ( lũy kế giải ngân đến 2016 là 44.947 tr đ.) bao gồm hoàn trả tạm ứng 2017 là 4,223 tỷ đồng	53.876	4.223	4.223.000.000	4.223.000.000	0	
10	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Công văn 4917/UBND-KT ngày 25/5/2017)	216.808	20.000	20.000.000.000	20.000.000.000	0	
11	Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng đường 25B (đợt 13 và bổ sung) theo công văn số 12012/UBND-ĐT ngày 25/12/2014	85.514	6.903	6.902.312.478	2.106.332.260	4.795.980.218	
12	Bồi thường giải phóng mặt bằng hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng cầu An Hảo và đường dẫn 2 đầu cầu trên địa bàn thành phố Biên Hòa (Công văn số 7822/UBND-ĐT ngày 29/8/2016 và công văn số 10258/UBND-ĐT)	51.254	14.853	14.853.000.000	14.853.000.000	0	
13	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó hoàn tạm ứng năm 2015 là 17,314 tỷ đồng và hoàn tạm ứng trong năm 2017 là 11,797 tỷ đồng	2.555.561	29.111	28.427.682.000	28.427.682.000	0	
14	Xây dựng Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai (trong đó hoàn trả của Trung tâm đã tạm ứng 2017 là 1,6 tỷ)	33.158	1.600	354.378.000	352.378.000	2.000.000	
15	Tiêu dự án nhà máy xử lý nước thải số 1 giai đoạn 1A, thành phố Biên Hòa công suất 9500m3/ngày	258.889	22.040	22.039.597.000	21.911.030.000	128.567.000	
II	<b>CÁC DỰ ÁN KHÔNG GHI KẾ HOẠCH NĂM 2018 CÒN DƯ VỐN TẠM ỨNG CHƯA THU HỒI TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM 2018</b>	<b>13.187</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	TDA giải phóng MB dự án BOT ĐT 768 - VC						